TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023
V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến và ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số 150 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi D, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số 150 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày: Bà và ông Bùi D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/4/2000, theo giấy chứng nhận kết hôn số 56. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên bà và ông D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông Bùi D.

Về con chung: Bà G và ông D có 02 con chung cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 21/7/1995 và cháu Bùi Lê Mỹ D, sinh ngày 07/4/2003. Về con chung hiện nay cháu T và cháu D đều đã đủ tuổi trưởng thành nên bà G không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Bùi D để hòa giải theo quy định nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

-Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị G. Xử cho bà Lê Thị G được ly hôn với ông Bùi D.

Về con chung: Bà G và ông D có 02 con chung Bùi Quốc T, sinh ngày 21/7/1995 và cháu Bùi Lê Mỹ D, sinh ngày 07/4/2003. Về con chung hiện nay cháu T và cháu D đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị G, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Lê Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông D đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông D vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt ông D.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của bà G, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông D tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà G, ông D thì bà G cho rằng trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp nên xảy ra mâu thuẫn vì vậy bà G và ông D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà G xét thấy không còn cơ hội hàn gắn gia đình nên bà G xin được ly hôn với ông Bùi D.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà G và ông D xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà G xin ly hôn ông D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà G và ông D có 02 con chung là cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 21/7/1995 và cháu Bùi Lê Mỹ D, sinh ngày 07/4/2003. Về con chung hiện nay cháu T và cháu D đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[4] Về án phí: Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị G. Bà Lê Thị G được ly hôn với ông Bùi D.

Về con chung: Bà Lê Thị G và ông Bùi D có 02 con chung Bùi Quốc T, sinh ngày 21/7/1995 và cháu Bùi Lê Mỹ D, sinh ngày 07/4/2003. Về con chung hiện nay cháu T và cháu D đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001657 ngày 31/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Bùi D không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh